

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 155/2025/DS-PT

Ngày 28/11/2025

Về “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự (di chúc) vô hiệu, tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu, yêu cầu tháo dỡ tài sản trả lại quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: bà Trần Thị Kim Liên, ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: bà Lữ Thị Hằng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28/11/2025 mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 27/2025/TLPT-DS ngày 25/7/2025 về “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự (di chúc) vô hiệu, tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu, yêu cầu tháo dỡ tài sản trả lại quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65A/2025/QĐ-PT ngày 10/11/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, giữa:

Nguyên đơn: cụ **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1943 và vợ cụ **Võ Thị C**, sinh năm 1952; cùng địa chỉ: **thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường T, tỉnh Quảng Ngãi)**, cụ T có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Huỳnh Ngọc Á – Văn phòng L7, đoàn Luật sư tỉnh Q**; địa chỉ Văn phòng: **số H đường H, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường C, tỉnh Quảng Ngãi)**.

Bị đơn: ông **Nguyễn V2**, sinh năm 1962 và vợ bà **Đào Thị C1**, sinh năm 1964; địa chỉ: **thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường T, tỉnh Quảng Ngãi)**.

Đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2025 của bị đơn: bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1982; địa chỉ: Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường C, tỉnh Quảng Ngãi), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Thị Kim P – Văn phòng L8, đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: E đường T, phường L, Tp Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường N, tỉnh Quảng Ngãi), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1984, vắng;

2. anh Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1991, vắng;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường T, tỉnh Quảng Ngãi)..

1. chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1982;

2. anh Nguyễn Đình H1, sinh năm 1988, vắng;

3. chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1996; vắng;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường T, tỉnh Quảng Ngãi).

6. ông Đinh Văn B, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng), vắng.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q); địa chỉ: số A H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường C, tỉnh Quảng Ngãi), vắng mặt.

8. Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) vắng.

9. Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là UBND phường T, tỉnh Quảng Ngãi), vắng.

10. cụ Bạch Thị L1, sinh năm 1932; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường T, tỉnh Quảng Ngãi), vắng.

11. bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1964; địa chỉ: xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã T, tỉnh Quảng Ngãi), vắng.

12. ông Nguyễn V, sinh năm 1958; Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk), vắng.

13. bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã T, tỉnh Quảng Ngãi), vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cụ Nguyễn Thanh T và vợ là cụ Võ Thị C trình bày:

Cụ Nguyễn Thanh T là em ruột cụ Nguyễn Đức H2. Nguyên thừa đất số 1671, tờ bản đồ số 02 xã T, diện tích 1.333m² của cụ Nguyễn Đức H2 (chết năm 2002) và vợ là cụ Đinh Thị C2 (chết năm 2012) mua của cụ Phan D năm 1955. Sau khi mua đất, vợ chồng cụ H2 xây 01 căn nhà cấp 4, móng bằng đá ong, tường gạch, mái lợp tôn để ở. Năm 1959, cụ H2 vào Lâm Đồng sinh sống, năm

1965 cụ C2 cũng vào Lâm Đồng sinh sống cùng cụ H2. Trước khi đi, cụ C2 gửi nhà đất cho cố Nguyễn T3 (cha cụ H2 và cụ T) trông coi, năm 1969 cố Nguyễn Thùy C3, vợ chồng cụ T trong coi nhà đất. Do trong khoảng thời gian từ năm 1966 đến năm 1983 vợ chồng cụ H2 mượn của vợ chồng cụ T 40 chỉ vàng 9999 để sử dụng làm ăn và chữa bệnh cho cụ C2 và do cụ H2, cụ C2 đã sinh sống ổn định tại Lâm Đồng nên năm 1985 cụ H2 và cụ C2 thống nhất giao nhà đất cho vợ chồng cụ T để trừ nợ, việc thống nhất giao nhà đất trừ nợ chỉ trao đổi miệng, không lập văn bản.

Từ khi được cụ H2, cụ C2 giao nhà đất, vợ chồng cụ T đã xây dựng nhà ở và sử dụng đất ổn định, nhưng năm 1995, cụ H2 lại trở về quê khởi kiện đòi vợ chồng cụ T trả lại nhà đất. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 44/DSPT ngày 29/9/1999, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã buộc vợ chồng cụ T trả lại cụ H2 916m² đất, thửa số 1671, tờ bản đồ số 02, xã T, huyện S. Sau khi xét xử phúc thẩm, cụ T đã gửi nhiều đơn đề nghị giám đốc thẩm đến Tòa án nhân dân tối cao, trong thời gian cơ quan thi hành án tổ chức thi hành án thì ngày 07/10/2002 cụ H2 chết. Sau khi cụ H2 chết, cụ C2 phát hiện ông Nguyễn V2 (ông V2 gọi cụ H2 là bác ruột) cung cấp cho Đội thi hành án huyện S Bản di chúc có nội dung: “cụ Nguyễn Đức H2 để lại toàn bộ diện tích đất 916m² đang tranh chấp với cụ Nguyễn Thanh T cho vợ chồng ông Nguyễn V2, bà Đào Thị C1 sử dụng, sản xuất tạo hoa lợi chia cho cụ H2 một phần khi còn sống và lo giỗ chạp ông bà...” nên cụ C2 có đơn khiếu nại gửi nhiều cơ quan chức năng, nhưng ngày 25/7/2008 ông Nguyễn V2 vẫn được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI 797840 (số vào sổ cấp GCN: CH 03845) đối với thửa đất số 1671, tờ bản đồ số 02, diện tích 916m².

Cũng trong thời gian có đơn đề nghị giám đốc thẩm bản án phúc thẩm và khiếu nại Di chúc cụ H2 lập cho ông Nguyễn V2 nhà đất thì ngày 29/12/2007 cụ C2 lập Di chúc để lại toàn bộ thửa đất số 1671, tờ bản đồ số 02 xã T, diện tích 1.333m² cho cụ T để trừ nợ 40 chỉ vàng mà trước đây cụ C2, cụ H2 đã mượn của cụ T, cụ C, đồng thời cụ C2 tiếp tục khiếu nại, nhưng ngày 10/02/2012 cụ C2 chết. Năm 2020, ông Đinh Văn B (con cụ C2, cụ H2) khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu tuyên bố Bản di chúc đề ngày 16/9/2001 của cụ H2 về việc cho ông Nguyễn V2 nhà đất vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện S đã cấp cho hộ Nguyễn V2, nhưng không biết vì lý do gì, ông B rút đơn khởi kiện nên TAND tỉnh Quảng Ngãi đình chỉ giải quyết vụ án.

Hiện nay, hộ Nguyễn V2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành CV 034630 (số vào sổ CS 14994) ngày 05/06/2020 đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 26, diện tích 916m², nhưng trên thực tế vợ chồng cụ T vẫn quản lý, sử dụng thửa đất từ năm 1969 đến nay.

Theo cụ T thì Bản di chúc ghi do cụ H2 lập ngày 16/9/2001, nhưng ngày 13/3/2002 UBND xã P mới chứng thực chữ ký; như vậy, người lập Di chúc không ký trước mặt người chứng thực nên không có giá trị pháp lý; mặt khác,

UBND xã P chỉ chứng thực chữ ký, không chứng thực nội dung di chúc; phần cuối di chúc ghi: Nguyễn Đức H2 là người viết di chúc, nhưng di chúc không phải chữ viết của cụ H2; ngoài ra, di chúc ghi có nhiều người làm chứng, nhưng những người làm chứng không trực tiếp ký làm chứng trước mặt người chứng thực di chúc; do đó, Bản Di chúc đề ngày 16/9/2001 không hợp pháp nên việc UBND huyện S căn cứ bản di chúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn V2 đối với thửa đất số 1671, tờ bản đồ số 02, diện tích 916m² và Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất vào ngày 05/06/2020 cho hộ Nguyễn V2 là trái quy định của pháp luật về thừa kế.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, cụ T phát hiện ngày 27/5/2020 vợ chồng ông Nguyễn V2, bà Đào Thị C1 cùng mẹ Bạch Thị L2 các anh chị em ông V2 và các con ông V2 lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 259, tờ bản đồ số 26, diện tích 916m² cho ông Nguyễn V2, Văn bản được Phó chủ tịch UBND xã T chứng thực ngày 27/5/2020.

Nay, cụ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố Bản di chúc đề ngày 16/9/2001 được UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xác nhận chữ ký ngày 13/03/2002 có nội dung: cụ Nguyễn Đức H2 để lại toàn bộ diện tích 916m² đất tranh chấp với cụ Nguyễn Thanh T cho vợ chồng ông Nguyễn V2, bà Đào Thị C1 sử dụng, sản xuất tạo hoa lợi chia cho ông một phần khi còn sống và lo giỗ chạp ông bà là không hợp pháp toàn bộ.

2. Hủy Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành CV 034630, số vào sổ CS 14994 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông Nguyễn V2 ngày 05/06/2020 đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 26, diện tích 916m².

3. Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất giữa các ông, bà Nguyễn V2, Đào Thị C1, Bạch Thị L1, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Thị Bích H, Nguyễn V, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị G được Phó Chủ tịch UBND xã T chứng thực ngày 27/5/2020 vô hiệu.

Đối với các yêu cầu phản tố của bị đơn thì nguyên đơn đề nghị Tòa không chấp nhận.

** Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn V2, bà Đào Thị C1 trình bày:*

Bản án dân sự phúc thẩm số 44/DSPT ngày 29/9/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có hiệu lực pháp luật tuyên buộc cụ Nguyễn Thanh T phải tháo dỡ tài sản trả lại cụ Nguyễn Đức H2 mảnh vườn thuộc thửa đất số 1074, tờ bản đồ số 02 xã T, diện tích 916m², đồng thời tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện S đã cấp cho cụ Nguyễn Thanh T. Ngày 16/9/2001, cụ Nguyễn Đức H2 lập di chúc để lại 916m² đất nêu trên cho gia đình ông Nguyễn V2 với ý nguyện để vợ chồng ông V2 canh tác hưởng hoa lợi sau này thờ cúng vì cụ Nguyễn Đức H2 không có con nối dõi tông đường, di chúc được UBND xã P xác nhận ngày 13/3/2002. Ngày 10/3/2002, cụ Nguyễn Đức H2 sức khỏe không tốt, đi lại khó khăn nên có lập Giấy ủy quyền cho ông Nguyễn V2 liên hệ thi hành án theo bản di chúc đã lập trước đó.

Ngày 17/12/2002, cụ H2 chết, năm 2006 ông Nguyễn V2 thực hiện đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản di chúc cụ H2. Ngày 15/7/2008, hộ ông Nguyễn V2 được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 797840 và ngày 05/6/2020 hộ ông Nguyễn V2 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đổi với thửa đất 259 diện tích 916m² tờ bản đồ số 16 xã T, thành phố Q.

Việc cụ T và cụ C yêu cầu Tòa án tuyên bố Bản di chúc đề ngày 16/9/2001 được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xác nhận chữ ký ngày 13/3/2002 vô hiệu và yêu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn V2 ngày 05/6/2020 đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 26, diện tích 916m² thì ông Nguyễn V2 không đồng ý vì sự việc đã được giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn V2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định, bản án của Tòa án. Sau khi thua kiện, gia đình cụ Nguyễn Thanh T liên tục quấy phá, ngăn cản không cho gia đình ông Nguyễn V2 canh tác cũng như thực hiện các quyền chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho... Cụ T tự ý trồng chuối, trồng hoa màu trên đất của gia đình ông Nguyễn V2, khi ông Nguyễn V2 ngăn cản thì gia đình cụ T đe dọa, chửi bới hành hung đập phá. Ông Nguyễn V2 có báo cáo chính quyền địa phương xã T xuống lập biên bản yêu cầu gia đình cụ T trả lại hiện trạng cho gia đình ông V2 nhưng cụ T không chấp hành. Điển hình là sự việc sau khi Đội Thi hành án Sơn Tịnh cưỡng chế giao đất cho gia đình ông Nguyễn V2 theo bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn V2 tiến hành chôn trụ bê tông, giăng lưới B40 thì con của cụ T đập phá, dỡ lưới nên bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử về “Tội hủy hoại tài sản”, tuyên xử 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Khoảng tháng 8 năm 2020, cụ T tiếp tục san ủi trên đất của gia đình ông Nguyễn V2, lắp khung dựng trại với diện tích 30m² (5m x 6m) nằm ở phía Đông bắc thửa đất cho các con trai cụ T là Nguyễn Hữu T1 và Nguyễn Hữu T2 làm nơi sửa chữa ô tô; xưởng có cấu trúc dựng 6 trụ bê tông, trên dựng mái tole, kèo khung sắt. Đồng thời phía Tây thửa đất cụ T chôn 12 trụ bê tông cao 1,6m dọc theo con đường đi và trồng chuối diện tích khoảng 60m². Ông Nguyễn V2 có báo cáo chính quyền xã T và tổ chức hòa giải vào ngày 01/10/2020 nhưng không thành, cụ T chửi bới bỏ về không ký vào biên bản.

Ngoài ra, gia đình cụ T thường xuyên gửi đơn ngăn chặn, phá hoại không cho gia đình ông V2 thực hiện các giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình ông V2.

Bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc cụ Nguyễn Thanh T và các con cụ T là Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Hữu T2 phải tự tháo dỡ khung trại với diện tích khoảng 30m² (5m x 6m) nằm ở phía Đông bắc thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16, xã T có cấu trúc: Trụ bê tông, kèo khung sắt, mái lợp tole để trả lại mặt bằng diện tích khoảng 30m² cho đình ông Nguyễn V2.

2. Buộc vợ chồng cụ **Nguyễn Thanh T**, cụ **Võ Thị C** phải tự tháo dỡ 12 trụ bê tông có chiều cao 1,6m do gia đình cụ **T** chôn dọc theo con đường đi phía Tây thửa đất gia đình ông **Nguyễn V2** và buộc gia đình cụ **T**, cụ **C** phải tự thu hoạch khu vực trồng chuối phía Tây thửa đất để trả lại diện tích đất khoảng 60m² cho hộ gia đình ông **V2**, có giới cận: Phía Đông giáp thửa đất 259, tờ bản đồ số 16 **xã T**, phía Tây giáp đường đi, phía Nam và phía Bắc đều giáp thửa đất số 259 tờ bản đồ số 16 **xã T**.
3. Buộc cụ **Nguyễn Thanh T**, cụ **Võ Thị C** phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16, diện tích 916m² đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 034630, số vào sổ cấp GCN: CS 14994 cho hộ gia đình ông **Nguyễn V2** vào ngày 05/6/2020.
4. Tuyên bố Giấy di chúc ghi tên cụ **Đinh Thị C2** lập ngày 29/12/2007 tại **B, xã H, huyện Đ** chưa được công chứng, chứng thực là không hợp pháp.
5. Buộc cụ **Nguyễn Thanh T**, cụ **Võ Thị C** phải bồi thường khoản tiền là 189.000.000đ (một trăm tám mươi chín triệu đồng) do gia đình cụ **T** chiếm dụng đất của ông **V2** để làm gara sửa chữa xe ô tô, làm nơi trồng chuối từ ngày 20/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính từ ngày 20/02/2024 đến ngày 20/02/2024 là 42 tháng).

Sau khi có sơ đồ địa chính thửa đất của **Công ty Đ - Chi nhánh Q** đo vẽ theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2022. Ngày 14/9/2024, bị đơn xác định lại yêu cầu phản tố như sau:

1. Buộc cụ **Nguyễn Thanh T** và các con là **Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Hữu T2** phải tự tháo dỡ nhà xưởng cơ khí với diện tích đo đạc thực tế 75,2m² (ký hiệu t trong sơ đồ địa chính thửa đất số 259, tờ bản đồ số 6 **xã T, thành phố Q** do **Công ty Đ- Chi nhánh Q** thực hiện ngày 02/8/2024) để trả lại cho bị đơn;

2. Buộc vợ chồng cụ **Nguyễn Thanh T**, cụ **Võ Thị C** phải tự tháo dỡ 18 trụ bê tông do gia đình cụ **T** chôn dọc theo con đường đi phía Tây, phía Đông của thửa đất số 259, tờ bản đồ số 6 **xã T, thành phố Q** và buộc gia đình cụ **T**, cụ **C** phải tự thu hoạch khu vực trồng chuối phía Tây thửa đất để trả lại diện tích đất 213,3m² (ký hiệu A trong sơ đồ địa chính thửa đất số 259, tờ bản đồ số 6 **xã T, thành phố Q** do **Công ty Đ - Chi nhánh Q** thực hiện ngày 02/8/2024) để trả lại cho bị đơn;

3. Buộc cụ **Nguyễn Thanh T**, cụ **Võ Thị C** phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16, diện tích 916m² (diện tích đo đạc thực tế hiện nay 915,9m²) đã được **Sở T** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 034630, số vào sổ cấp GCN: CS 14994 cho hộ gia đình ông **Nguyễn V2** vào ngày 05/6/2020.

4. Tuyên bố Giấy di chúc ghi tên cụ **Đinh Thị C2** lập ngày 29/12/2007 tại **B, xã H, huyện Đ** chưa được công chứng, chứng thực là không hợp pháp.

5. Buộc cụ **Nguyễn Thanh T**, cụ **Võ Thị C** phải bồi thường khoản tiền là 189.000.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu đồng) do gia đình cụ **T** chiếm dụng đất của ông **V2** để làm gara sửa chữa xe ô tô, làm nơi trồng chuối từ ngày

20/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính từ ngày 20/02/2024 đến ngày 20/02/2024 là 42 tháng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Hữu T2** (con cụ **Nguyễn Thanh T** - nguyên đơn) thống nhất với trình bày và yêu cầu của cụ **T**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Nguyễn Thị Bích H, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Thị Thu L** (con ông **Nguyễn V2** bị đơn) thống nhất với trình bày và yêu cầu của bị đơn.

Tại Công văn số 514/UBND ngày 27/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **UBND xã T, thành phố Q** trình bày:

Việc UBND xã chứng thực “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất” của ông **Nguyễn V2** là căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền cấp cho hộ gia đình ông **Nguyễn V2** theo các căn cứ cấp giấy như sau:

- Năm 2008, hộ ông **Nguyễn V2** được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1671, tờ bản đồ số 02 diện tích 916m², loại đất (400m² ONT, 516m² BHK), ngày cấp 25/7/2008.

- Năm 2016, hộ ông **Nguyễn V2** xác định lại diện tích đất trồng cây hàng năm khác thành đất ở tại nông thôn diện tích 516m², được chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/12/2016.

- Năm 2020, hộ ông **Nguyễn Văn C4** đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16, diện tích 916m², loại đất ONT, sổ vào sổ cấp giấy CS14994, ngày 05/06/2020.

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu (năm 2008) cho hộ ông **Nguyễn V2** có ông **Nguyễn Văn T4** hộ gia đình ông **Nguyễn V2**, nên ông **Nguyễn Văn L3** đồng chủ quyền sử dụng thửa đất nêu trên, ông **Nguyễn Văn C5** năm 2012 không để lại di chúc hoặc bất kỳ một nghĩa vụ tài sản nào mà những người thừa kế của ông **Nguyễn Văn P1** thực hiện; ông **Nguyễn V2** yêu cầu UBND xã T chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất và UBND xã đã tiếp nhận và giải quyết chứng thực cho ông **Nguyễn V2** là đúng quy định pháp luật.

Việc cụ **Nguyễn Thanh T** và cụ **Nguyễn Thị C6** yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất giữa các ông/bà: ông **Nguyễn V2**, bà **Đào Thị C1**, bà **Bạch Thị L1**, ông **Nguyễn Đình H1**, bà **Nguyễn Thị Thu L**, bà **Nguyễn Thị Bích H**, ông **Nguyễn V**, bà **Nguyễn Thị S**, bà **Nguyễn Thị G** được Phó Chủ tịch UBND xã T chứng thực ngày 27/05/2020 vô hiệu là không có cơ sở.

* Tại Công văn số 78/CNTPQN ngày 13/01/2022 Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Q - chi nhánh thành phố Q trình bày:

Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông **Nguyễn V2**, xã T hiện đang lưu tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh Q, cụ thể như sau:

- Ngày 25/7/2008, hộ ông **Nguyễn V2** được **UBND huyện S** cấp giấy chứng nhận QSD đất, số phát hành AI 797840, số vào sổ 03845, thửa đất số 1671, tờ bản đồ số 02, diện tích 916m² (400m² ONT và 516m² BHK), **xã T, huyện S (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi**.

- Ngày 24/11/2016, hộ ông **Nguyễn V2** nộp hồ sơ xác định lại diện tích đất ở và được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** chỉnh lý trên trang tư giấy chứng nhận QSD đất ngày 19/12/2016.

- Ngày 22/4/2020, hộ ông **Nguyễn V2** nộp hồ sơ cấp đổi - cấp lại giấy chứng nhận QSD đất và được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông **Nguyễn V2**, số phát hành CV 034630, số vào sổ CS 14994, cấp ngày 05/6/2020, thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16, diện tích 916m² ODT, **xã T, thành phố Q**.

* **Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** đã được *Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, tuy nhiên có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên tòa;*

* *Tại các đơn trình bày cùng đề ngày 12/11/2024, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Nguyễn V**, bà **Nguyễn Thị G**, bà **Nguyễn Thị S**, cụ **Bạch Thị L1** cùng trình bày: Cụ **Nguyễn V1** và cụ **Bạch Thị L1** có các người con gồm các ông, bà **Nguyễn V2**, **Nguyễn V**, **Nguyễn Thị G** và **Nguyễn Thị S**. Năm 2002, ông **Nguyễn V2** được bác ruột là cụ **Nguyễn Đức H2**, ở **xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** lập di chúc cho thừa kế thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16, ở **xã T**, diện tích 916m², nhưng năm 2008 khi ông **V2** đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thì Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông **Nguyễn V2**. Cụ **Nguyễn V1**, cụ **Bạch Thị L1** và các con không có quyền lợi liên quan thửa đất số 259 nên khi cụ **Nguyễn Văn C5**, ngày 08/6/2020 cụ **L1** cùng các con đến **UBND xã T** làm Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 259 để chuyển sang tên cá nhân ông **Nguyễn V2**; do đó, việc cụ **T** khởi kiện yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/6/2020 vô hiệu là có căn cứ. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tặng cho quyền sử dụng đất làm tại **UBND xã T** ngày 08/6/2020, nhưng cán bộ **UBND** ghi tại phần chứng thực ngày 27/5/2020 là có sự nhầm lẫn, ngay khi phát hiện sai sót, cán bộ tư pháp viết tay bằng bút mực đánh chính ngày và có đóng dấu nơi sửa sai.*

* **Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 19/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:**

Căn cứ các Điều 26, 37, 39, 147, 157, 161, 165, 186, 187, 192, 217, 218, 227, 228, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 117, 164, 166, 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Võ Thị C** (nguyên đơn không có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại vụ án vì đã có bản án có hiệu lực pháp luật) về việc:

- Tuyên bố Bản di chúc đề ngày 16/9/2001 được **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** xác nhận chữ ký ngày 13/03/2002 có nội dung: ông **Nguyễn Đức H2** để lại toàn bộ diện tích 916m² đất tranh chấp với ông **Nguyễn Thanh T** cho vợ chồng ông **Nguyễn V2**, bà **Đào Thị C1** sử dụng, sản xuất tạo hoa lợi chia cho ông một phần khi còn sống và lo giỗ chạp ông bà là không hợp pháp toàn bộ.

- Hủy Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành CV 034630, sổ vào sổ CS 14994 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q** cấp cho hộ ông **Nguyễn V2** vào ngày 05/06/2020, tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 26, diện tích 916m².

- Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất giữa các ông, bà **Nguyễn V2, Đào Thị C1, Bạch Thị L1, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Thị Bích H, Nguyễn V, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị G** được **Phó Chủ tịch UBND xã T** chứng thực ngày 27/5/2020 vô hiệu.

Nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Võ Thị C** không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố sau đây của bị đơn ông **Nguyễn V2**:

- Buộc ông **Nguyễn Thanh T** và các con ông **T** là anh **Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Hữu T2** phải tự tháo dỡ nhà xưởng cơ khí với diện tích đo đạc thực tế 75,2 m² (ký hiệu t trong sơ đồ địa chính thửa đất số 259, tờ bản đồ số 6 xã **T, thành phố Q** do **Công ty Đ - Chi nhánh Q** thực hiện ngày 02/8/2024) để trả lại đất cho bị đơn;

- Buộc vợ chồng ông **Nguyễn Thanh T, bà Võ Thị C** phải tự tháo dỡ 18 trụ bê tông do gia đình ông **T** chôn dọc theo con đường đi phía Tây, phía Đông của thửa đất số 259, tờ bản đồ số 6 xã **T, thành phố Q** và buộc gia đình ông **T, bà C** phải tự thu hoạch khu vực trồng chuối phía Tây thửa đất này để trả lại diện tích đất 213,3m² (ký hiệu A trong sơ đồ địa chính thửa đất số 259, tờ bản đồ số 6 xã **T, thành phố Q** do **Công ty Đ - Chi nhánh Q** thực hiện ngày 02/8/2024) cho bị đơn;

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo và là một bộ phận không tách rời bản án này)

- Buộc ông **Nguyễn Thanh T, bà Võ Thị C** phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16, diện tích 916m² (diện tích đo đạc thực tế hiện nay 915,9m²) đã được **Sở T** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 034630, sổ vào sổ cấp GCN: CS 14994 cho hộ gia đình ông **Nguyễn V2** vào ngày 05/6/2020.

- Tuyên bố giấy di chúc ghi tên bà **Đinh Thị C2** lập ngày 29/12/2007 tại **B, xã H, huyện Đ** chưa được công chứng, chứng thực là không hợp pháp.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông **Nguyễn V2** về việc: Buộc ông **Nguyễn Thanh T, bà Võ Thị C** phải bồi thường khoản tiền là 189.000.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu đồng) cho ông **Nguyễn V2**, do

gia đình ông T chiếm dụng đất của ông V2 để làm gara sửa chữa xe ô tô, làm nơi trồng chuối từ ngày 20/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính từ ngày 20/02/2024 đến ngày 20/02/2024 là 42 tháng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Võ Thị C và bị đơn ông Nguyễn V2 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí hợp lệ, nên miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn và bị đơn.

Anh Nguyễn Hữu T1, anh Nguyễn Hữu T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về chi phí tố tụng khác:

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu chi phí giám định số tiền là 5.000.000 đồng, ông Nguyễn Thanh T đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong.

Buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Võ Thị C phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) tiền chi phí tố tụng cho ông Nguyễn V2, bà Đào Thị C1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Nguyễn Thanh Tường (nguyên đơn) là em ruột cụ Nguyễn Đức H2 (chết năm 2002). Cụ T trình bày thừa đất số 1074, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.333m² tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi do cụ H2 (có vợ là cụ Đinh Thị C2) mua của cụ Phan D năm 1955, mua xong làm nhà cấp 4 sinh sống trên đất. Năm 1959 cụ H2 vào Lâm Đồng sinh sống. Năm 1965 cụ C2 vào Lâm Đồng sinh sống cùng cụ H2, trước khi đi cụ C2 giao nhà đất cho cô Nguyễn T3 (cha cụ H2, cụ T)

trông coi. Năm 1969 cô **Nguyễn Thùy C3**, vợ chồng cụ **T** quản lý, sử dụng nhà đất. Năm 1985 cụ **H2** và cụ **C2** bàn giao nhà đất cho vợ chồng cụ **T** quản lý, sử dụng, để trừ số nợ 40 chỉ vàng 9999 mà cụ **H2**, cụ **C2** mượn của cụ **T** trước đó, việc bàn giao nhà đất và việc mượn vàng không lập văn bản, chỉ trao đổi miệng. Cụ **T** kê khai và được **UBND huyện S** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/5/1997.

[2] Cụ **H2** khởi kiện yêu cầu cụ **T** trả lại nhà đất. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 44/DSPT ngày 29/9/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (bản án có hiệu lực pháp luật) giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/DS-ST ngày 22/6/1999 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh với quyết định: - Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà **UBND huyện S** cấp cho cụ **Nguyễn Thanh T** ngày 23/5/1997 đối với thửa đất số 1074, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.333m² tại xã **T**; - Buộc cụ **T** phải tháo dỡ chuồng bò, thu hoạch bạch đàn và một số hoa màu khác trả lại cụ **H2** 916m² đất; - Cụ **T** được sử dụng 417m² đất mà không phải thối lại tiền cho cụ **H2**. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, cụ **T** không tự nguyện thi hành án nên **Đội thi hành án huyện S** đã tiến hành cưỡng chế tháo dỡ tài sản của cụ **T** trên đất, giao 916m² đất cho cụ **H2** vào ngày 02/8/2000.

[3] Ngày 16/9/2001, cụ **H2** lập *Bản di chúc*, được **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** chứng thực chữ ký ghi ngày 13/3/2002, nội dung cụ **H2** để lại toàn bộ 916m² đất cụ **H2** được nhận theo quyết định của bản án dân sự phúc thẩm số 44/DSPT ngày 29/9/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, cho vợ chồng ông **Nguyễn V2**, bà **Đào Thị C1** sử dụng sản xuất chia hoa lợi chia cho cụ **H2** một phần lúc cụ **H2** còn sống và lo giỗ chạp tổ tiên sau khi cụ **H2** chết. Ngày 10/3/2002, cụ **H2** lập *Giấy ủy quyền* (có xác nhận chữ ký của **UBND xã P, huyện Đ** ghi ngày 13/3/2002), nội dung cụ **H2** đã được **Đội thi hành án huyện S** cưỡng chế giao đất ngày 02/8/2000, nhưng cụ **T** tiếp tục vào chiếm dụng đất nên cụ **H2** ủy quyền cho vợ chồng ông **Nguyễn V2** liên hệ với **Đội thi hành án huyện S** và các cơ quan hữu quan nhờ giúp đỡ, đồng thời sau khi cụ **H2** chết, vợ chồng ông **V2** là người thừa kế 916m² đất của cụ **H2**. Ngày 07/10/2002, cụ **Nguyễn Đức H2** chết. Ngày 13/11/2002. **Đội thi hành án huyện S** một lần nữa cưỡng chế thu dọn cây cối cụ **T** trồng trên đất, cắm mốc giao cho ông **Nguyễn V2** 916m² đất. Ông **V2** tiến hành chôn trụ bê tông và giăng lưới B40 rào xung quanh diện tích đất được giao, thì bị các con của cụ **T** gồm **Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Hữu T2 và Nguyễn Hữu L4** đập phá trụ bê tông, tháo lưới B40 nên tại bản án hình sự phúc thẩm số 126/HSPT ngày 24/12/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên bản án sơ thẩm số 45/2007/HSST ngày 19/9/2007 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh xử phạt **Nguyễn Hữu T1** 09 tháng tù về “*Tội hủy hoại tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, buộc **Nguyễn Hữu T1** và vợ chồng cụ **T** liên đới bồi thường thiệt hại cho ông **Nguyễn V2** số tiền 1.370.000 đồng.

[4] Xét, việc cụ **T** cho rằng cụ **Đinh Thị C2** là vợ cụ **Nguyễn Đức H2** vì có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1951 nên việc cụ **H2** tự ý lập *Bản di chúc* ghi ngày 16/9/2001 để lại 916m² đất cho vợ chồng ông **Nguyễn V2** là trái pháp luật, thấy rằng bản án dân sự phúc thẩm số 44/DSPT ngày

29/9/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi buộc cụ T phải tháo dỡ chuồng bò, thu hoạch bạch đàn và một số hoa màu khác trả lại diện tích đất 916m² cho cá nhân cụ Nguyễn Đức H2, không có tên cụ Đinh Thị C2. Mặt khác, tại Công văn số 481/CAĐT ngày 23/02/2023, Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho biết danh sách hộ khẩu thường trú do cụ Nguyễn Đức H2 ký tên khai ngày 07/11/1975 thì chủ hộ là cụ Nguyễn Đức H2, sinh năm 1925; vợ là cụ Phan Thị N sinh năm 1932; con là Nguyễn Thanh L5 09 tuổi, Nguyễn Công T5 06 tuổi; cụ Phan Thị N chết ngày 25/01/2017, Nguyễn Thanh L5 chết ngày 26/5/1989 (lúc 22 tuổi), Nguyễn Công T5 chết ngày 22/7/1987 (lúc 16 tuổi); vì các lý do trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận trình bày của cụ T cho rằng cụ Đinh Thị C2 là vợ cụ Nguyễn Đức H2 là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận trình bày của cụ T về việc cụ C2 là vợ cụ H2 là có cơ sở nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn tuyên bố Giấy di chúc cụ C2 lập ngày 29/12/2007 (nội dung cụ C2 tự nhận là vợ cụ H2, cụ H2 chết nên cụ C2 để lại toàn bộ 1.333m² (916m² của cụ H2 và công nhận 417m² cho cụ T tại bản án dân sự phúc thẩm số 44/DSPT ngày 29/9/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi) cho vợ chồng cụ T để căn trừ vào khoản nợ 40 chỉ vàng 9999 cụ C2 mượn cụ T) không hợp pháp là đúng.

[5] Xét, yêu cầu của cụ T yêu cầu Tòa án tuyên bố Bản di chúc ghi do cụ Nguyễn Đức H2 lập ngày 16/9/2001, UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 13/3/2002 không hợp pháp vì ngày chứng thực không cùng ngày lập di chúc và không phải chữ viết, chữ ký của cụ H2 tại bản di chúc, thấy rằng ngày 24/3/2008, Phòng Tư pháp huyện Sơn Tịnh có Văn bản số 07/PTP thẩm định Bản di chúc và Giấy ủy quyền của cụ Nguyễn Đức H2 đã kết luận: “Di chúc của ông H2 lập đúng quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội...” và tại Kết luận giám định số 118/KL-KTHS ngày 28/02/2025, Phòng K Công an tỉnh Q kết luận chữ ký, chữ viết đề tên Nguyễn Đức H2 trong tài liệu cần giám định Bản di chúc ghi do cụ Nguyễn Đức H2 lập ngày 16/9/2001, UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 13/3/2002 (ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức H2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M7) “là do cùng một người ký, viết ra”. Ngày 25/7/2008, UBND huyện S cấp cho hộ ông Nguyễn Văn G1 chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1671, tờ bản đồ số 2, diện tích 916m². Ngày 05/6/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn V2 thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16, diện tích 916m² đất ODT xã T. Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn V2, trong khi hộ ông Nguyễn V2 có cha mẹ và các anh chị em của ông V2 nên ngày 08/6/2020 (sau khi cụ Nguyễn Văn cha ông Nguyễn V2 chết) mẹ và các anh chị em ông Nguyễn V2 đến UBND xã T lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tặng cho quyền sử dụng đất để lại toàn bộ nhà đất đứng tên vợ chồng ông V2 theo đúng nguồn gốc nhà đất vợ chồng ông V2 được cụ Nguyễn Đức H2 tặng cho.

[6] Trên cơ sở Bản án dân sự phúc thẩm số 44/DSPT ngày 29/9/1999 có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và trên cơ sở Bản di

chức lập ngày 16/9/2001 và Giấy ủy quyền lập ngày 10/3/2002 của cụ H2, ông Nguyễn V2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do đó, quyền và lợi ích hợp pháp của cụ T không bị xâm phạm nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 186, 187, 192, khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn vì nguyên đơn không có quyền khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Do vợ chồng cụ T và các con lấn chiếm đất của ông Nguyễn V2 xây dựng nhà xưởng và cản trở vợ chồng ông Nguyễn V2 thực hiện quyền sử dụng thửa đất 259 nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc vợ chồng cụ T và các con phải tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm để trả lại đất và buộc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng thửa đất số 259 của vợ chồng ông Nguyễn V2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Nguyên đơn cụ Nguyễn Thanh T kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Án phí dân sự phúc thẩm cụ Nguyễn Thanh T được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân